

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/KDTM-PT

Ngày: 05/02/2018

V/v: đơn phương chấm dứt
hợp đồng hợp tác đầu tư

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Đoàn

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vận

Bà Nguyễn Thị Dụ

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Thương – Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mỹ Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2017/TLPT – KDTM ngày 19/12/2017 về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM – ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị đơn và người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXPT – KDTM ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần Y

Địa chỉ: phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đặng Văn H – Giám đốc Công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

Ông Trần Dũng Tiến – Luật sư Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH thương mại Đ.

Địa chỉ: xã T, huyện Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T– Giám đốc Công ty.

Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Công ty cổ phần môi trường S.

Địa chỉ: phường P, quận B, thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: ông Bùi Chí K – Phó giám đốc Công ty. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Mai Hồng Quang – Luật sư Công ty luật TNHH Văn Khuê – thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn – Công ty cổ phần Y trình bày:

Ngày 10/10/2013 Công ty Cổ phần Y (bên A) đã ký kết hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh thực hiện dự án khai thác chế biến đá số 026/2013/HĐ HTKHKTCBĐ với Công ty TNHH thương mại Đ (bên B).

Bên A đã bàn giao tài liệu và có giấy ủy quyền cho bên B tiến hành thực hiện hợp đồng. Cũng trong thời điểm này vị trí của mỏ đá tuy có tranh chấp với rừng Quốc gia Ba Vì nhưng UBND tỉnh Hòa Bình không có một văn bản nào yêu cầu bên A tạm ngừng khai thác, mà chỉ có Vườn Quốc gia Ba Vì yêu cầu tạm dừng. Trong thời gian từ tháng 10/2013 đến cuối năm 2014 bên A thực hiện các nghĩa vụ tài chính để duy trì hoạt động của công ty và dự án.

Ngày 26/12/2014 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 2372/QĐ-TTG về việc phê duyệt dự án điều chỉnh vườn Quốc gia Ba Vì tại tỉnh Hòa Bình. Ngày 16/7/2015 UBND tỉnh Hòa Bình đã có văn bản số 884/UBND-NNTN đồng ý chủ trương cho phép Công ty CP Y được tiếp tục hoạt động khai thác khoáng sản theo Giấy phép số 94/QĐ-UBND ngày 01/12/2009. Trong thời gian chờ đợi để có cơ sở pháp lý, bên A không yêu cầu bên B phải thực hiện

đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng đã nêu về cả tài chính lẫn tiến độ lắp đặt thiết bị phục vụ dự án theo hợp đồng đã ký.

Sau khi được phép hoạt động trở lại, hai bên cũng đã cùng nhau xin thủ tục bóc tầng phủ để chuẩn bị thực hiện những mục tiêu chính của dự án đã ký. Từ ngày 16/7/2015 đến hết năm 2015 hai bên đã làm thủ tục xin phép khai thác 200.000m³ đất trong diện tích 5,2ha và được UBND tỉnh Hòa Bình ra quyết định số 35/GP-UBND ngày 04/4/2016 cho phép bóc tầng phủ của mỏ đá thì hai bên bắt đầu tiến hành những phần việc trong hợp đồng đã ký. Lúc này bên A cũng chưa bắt buộc bên B thực hiện tiến độ như trong hợp đồng đã ký một cách gay gắt mà chỉ yêu cầu bên B tự đi mua thiết bị lắp đặt để khai thác.

Ngày 21/4/2016, Chi cục thuế huyện K có thông báo số 321/TB-CCT yêu cầu bên A nộp số tiền cấp quyền khai thác là 4.797.665.745 đồng trong đó năm 2014 – 2015 là 3.577.021.552 đồng, năm 2016 là 1.220.644.223 đồng.

Ngày 18/8/2016 sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hòa Bình gửi công văn số 1303/STNMT-KS yêu cầu bên A phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2014 và 2015, nếu không sẽ bị thu hồi giấy phép khai thác. Bên A đã buộc bên B khẩn trương nộp số tiền cấp quyền khai thác năm 2016 là 1.220.664.223 đồng cho ngân sách Nhà nước ngay. Nhưng bên B đã không nộp số tiền trên. Lúc này bên A đốc thúc, ép bên B khẩn trương thực hiện những phần việc cần thiết để có sản phẩm bán ra thị trường thì mới có tiền nộp ngân sách...

Bằng các văn bản từ ngày 24/9/2016 đến giữa tháng 11/2016, bên A đã yêu cầu bên B khẩn trương thực hiện từng phần việc như đã nêu. Hai bên đã cùng nhau họp nhiều lần nhưng bên B không thực hiện. Trong lúc đó tiền thuế, tiền phạt hàng tháng do Chi cục thuế K thông báo tính đến ngày 03/10/2016 là 1.540.574.475 đồng. Do đó ngày 16 và 23/11/2016 bên A đã thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng với bên B bằng thông báo số 1103/KH-CT và 1104/KH-CT.

Ngày 06/12/2016 hai bên đã họp lại và lập biên bản theo đó bên A đồng ý nộp 2/3 số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2016 đỡ cho bên B và thống nhất thời điểm thực hiện hợp đồng được tính từ ngày 01/12/2016 và kéo

dài thời gian hoàn thành những phần việc như trong hợp đồng đã ký từ 01 tháng thành 02 tháng. Nhưng đến ngày 13/12/2016, bên B vẫn không hề có động tĩnh gì về triển khai công việc đồng thời cũng không chuyển tiền vào để nộp cho Nhà nước, tức là bên B đã vi phạm hợp đồng.

Nay Công ty Cổ phần Y khởi kiện Công ty TNHH thương mại Đ, yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng số 026/2013/ HĐHTKH KTCBĐ ngày 10/10/2013, yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm hợp đồng tổng số tiền là 2.765.594.862 đồng.

Bị đơn – Công ty TNHH thương mại Đ trình bày :

Ngày 10/10/2013, Công ty TNHH thương mại Đ đã ký kết hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh thực hiện dự án khai thác chế biến đá số 026/2013/HĐHTKHKTCBĐ đối với Công ty Cổ phần Y. Ngày 16/10/2013 Công ty Y đã phát hành giấy ủy quyền cho Công ty Đ để thực hiện trách nhiệm của mình theo nội dung đã ký. Theo nội dung trên Công ty Đ đã chuyển tiền mặt cho Công ty Y để thuê khảo sát, thẩm tra đánh giá lại báo cáo, thuê thiết kế quy hoạch tổng thể mặt bằng, tư vấn kỹ thuật, tìm kiếm khách hàng... Giai đoạn này Công ty Đ đã đầu tư khoảng 1,6 tỷ đồng và đưa riêng cho ông H 150.000.000 đồng chi cá nhân.

Khi Công ty TNHH thương mại Đ bắt đầu triển khai công việc trên mặt bằng thì tỉnh Hòa Bình không cho công ty thực hiện với lý do chưa thống nhất về việc quản lý địa giới hành chính, loại rừng theo quy hoạch giữa UBND tỉnh Hòa Bình và Vườn quốc gia Ba Vì.

Đến ngày 26/12/2014 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 2372/QĐ-TTg về việc phê duyệt dự án điều chỉnh diện tích Vườn Quốc gia Ba Vì tại tỉnh Hòa Bình, đây là điều kiện để dự án trở lại hoạt động.

Ngày 16/7/2015 UBND tỉnh Hòa Bình ra Quyết định 884/UBND-NN-TN về việc cho Công ty Cổ phần Y tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản. Kể từ thời điểm này Công ty Đ mới biết từ ngày 22/7/2011 đến trước ngày 16/7/2015 Công ty Y bị cấm khai thác khoáng sản theo giấy phép số 94/QĐ-BND của UBND tỉnh Hòa Bình ngày 01/12/2009. Sau khi biết sự việc trên hai

công ty đã bàn bạc và thống nhất ký lại hợp đồng hợp tác kinh tế số 026/2015/HĐHTKHKTCBĐ ngày 15/12/2015.

Theo Công ty Đ, hợp đồng số 026/2013/HĐHTKHKTCBĐ ngày 10/10/2013 bị vô hiệu ngay từ khi giao kết (do Công ty Y lừa dối khi giao kết hợp đồng). Trong thời gian này Công ty Đ đã đầu tư vào dự án tổng số tiền là 837.077.067 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng số 026/2015/HĐHTKDCBĐ ngày 15/12/2015, phía Công ty Y luôn thực hiện nghiêm chỉnh theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng cũng như các cam kết bằng văn bản giữa hai bên.

Hiện Công ty Đ đã đầu tư khoản tiền là 3.068.851.000 đồng.

Nay Công ty Cổ phần Y khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty Đ bồi thường cho Công ty Y số tiền là 2.765.594.862 đồng, Công ty TNHH thương mại Đ không đồng ý. Ngày 04/05/2017, công ty Đ có đơn phản tố, yêu cầu :

- Đề nghị Tòa án tuyên xử hợp đồng hợp tác kinh doanh số 026/2015/HĐHTKDCBĐ ngày 15/12/2015 là có hiệu lực pháp luật.

- Buộc Công ty Cổ phần Y phải hoàn trả cho Công ty Đ giá trị tiền đầu tư theo hợp đồng vô hiệu số 026/2013/HĐHTKDCBĐ ngày 10/10/2013 số tiền là 837.077.067 đồng + phải chịu phạt hợp đồng theo thỏa thuận =200% thành tiền là 837.077.067 đồng. Tổng hai khoản là 1.674.154.134 đồng.

- Buộc Công ty Cổ phần Y phải bồi thường (tiền phạt) cho Công ty TNHH thương mại Đ, do Công ty Y vi phạm hợp đồng (đơn phương chấm dứt hợp đồng không có căn cứ pháp luật) số tiền là : 3.068.851.000 đồng.

Tổng cộng các khoản tiền mà Công ty Y phải bồi thường cho Công ty Đ là : 4.743.005.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Công ty Cổ phần môi trường S trình bày :

Ngày 02/5/2017, Công ty S ký hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-ĐL2015 với Công ty Đ. Công ty S đã chuyển tiền cho Công ty Đ để xin cấp giấy phép khai thác tận thu đất bóc tầng phủ và tiền để nộp cấp quyền khai thác, đồng thời sản xuất, lắp dựng biển hiệu tại cửa ra vào mỏ, sửa chữa lán trại,

đường xá trong nội bộ, thuê và mở văn phòng đại diện Mỏ C... Ngày 21/7/2015, Công ty Đ với Công ty S ký hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT-ST2015 để thực hiện giai đoạn hợp tác thứ nhất. Từ 13/8 – 04/9/2015, Công ty S trên cơ sở hợp đồng liên danh với Trung tâm quản lý hạ tầng khu công nghệ cao Hòa Lạc đã tiến hành tập hợp các doanh nghiệp trên địa bàn phía Tây Hà Nội để xây dựng đơn giá chung cho các loại vật liệu, thành lập hiệp hội các nhà cung ứng vật tư, thiết bị thi công xây dựng trong Khu công nghệ cao Hòa Lạc.... Ngày 25/12/2015 Công ty Y đã ủy quyền cho Công ty Đ và Công ty S đã ký phụ lục số 01 của Hợp đồng số 026/2015 với Công ty Đ.

Từ ngày 01/01/2016 đến nay, Công ty S và Công ty Đ tiến hành thường xuyên, liên tục bóc đất tầng phủ và đầu tư mua thêm máy xúc, lắp đặt trạm chứa nhiên liệu... phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 18/4/2016, Công ty Y ra Quyết định số 09/TCHC/CT chấp thuận Công ty S là đơn vị đại diện thương mại và tiêu thụ sản phẩm đất san lấp và các sản phẩm từ đá Bazan tại xóm C, xã Y, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho Công ty Y.

Từ tháng 6 đến tháng 8/2016, Công ty Y và Công ty Đ xảy ra tranh chấp không rõ nguyên nhân. Từ đó đến nay cả ba Công ty đã có nhiều buổi làm việc cũng như hòa giải để bảo vệ quyền và lợi ích của các bên nhưng không thành.

Công ty Y biết rõ nguyên nhân Dự án bị dừng, đình chỉ nhưng vẫn cố tình ký hợp đồng hợp tác với Công ty Đ và không cho đối tác biết là hành vi gian dối trong giao kết hợp đồng thương mại. Sau khi Công ty S đầu tư và phát triển Dự án. Công ty Y phủ nhận vai trò của Công ty S nhằm chiếm đoạt tài sản. Cần xem xét giá trị pháp lý cũng như động cơ của Giám đốc Công ty Y ban hành quyết định để Công ty S làm Đại diện thương mại; phát triển thị trường; xây dựng thương hiệu; tiêu thụ sản phẩm của Dự án. Công ty Y dùng Công ty Đ làm đơn vị trung gian nhằm tận dụng các nguồn lực của Công ty S để khôi phục và làm tăng giá trị Dự án (hữu hình và vô hình). Khi Dự án đi vào hoạt động bắt đầu có hiệu quả, Giám đốc Công ty Y rũ bỏ trách nhiệm, nghĩa vụ với Công ty Đ qua đó xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty S là hành vi trái pháp luật, vi phạm đạo đức kinh doanh. Giám đốc Công ty cổ phần Y ban

hành quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng gây thiệt hại về kinh tế, danh tiếng của Công ty S.

Tại đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 28/06/2017, Công ty S yêu cầu và đề nghị Tòa án: Không chấp thuận yêu cầu khởi kiện của Công ty Y và đơn phản tố của Công ty Đ. Hợp đồng hợp tác kinh doanh khai thác chế biến đá số: 026/2013/HĐHTKDKTCBĐ ký ngày 10/10/2013 giữa Công ty Y với Công ty Đ là giao dịch dân sự vô hiệu một phần. Hợp đồng nguyên tắc số: 08/HĐNT-ĐL 2015 ký ngày 02/05/2015 giữa Công ty Đ với Công ty S có hiệu lực pháp luật yêu cầu tiếp tục thực hiện. Hợp đồng kinh tế số: 08/HĐKT -ST 2015 ký ngày 21/07/2015 giữa Công ty Đ với Công ty S có hiệu lực pháp luật. Đề nghị Tòa án:

- Buộc Công ty Y và Công ty Đ hoàn trả Công ty S giá trị đầu tư vào Dự án theo hợp đồng số: 08/HĐNT-ĐL2015 ký ngày 02/05/2015 và hợp đồng số: 08/HĐKT-ST2015 ký ngày 21/07/2015.

- Buộc Công ty Y và Công ty Đ thanh toán toàn bộ chi phí bóc đất tầng phủ để khai thác đá bazan cho Công ty S theo đơn giá, thời điểm áp dụng tại tỉnh Hòa Bình với khối lượng thực tế.

- Buộc Công ty Y hoàn trả Công ty S giá trị đầu tư theo quyết định số: 09/TCHC/CT ký ngày 18/04/2016.

Tổng số tiền mà Công ty Y và Công ty Đ phải bồi thường cho Công ty S là 4.371.050.646 đồng (có báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh hợp tác đầu tư và toàn bộ hóa đơn chứng từ từ năm 2015 đến nay kèm theo).

Tại bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Kđã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 401, 403, 428 và 429 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công ty Cổ phần Y có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng kinh tế số 026/ 2013/ HĐHTKDKTCBĐ ngày 10/ 10/ 2013 và 026/ 2015/ HĐHTKDKTCBĐ ngày 15/ 12/ 2015 giữa Công ty Cổ phần Y và Công ty TNHH Đ.

2- Đình chỉ đối với yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại số tiền 2.689.165.100 đồng do vi phạm hợp đồng số 026/2013/HĐHTKDKTCBĐ ngày 10/ 10/ 2013 của Công ty Cổ phần Y đối với Công ty TNHH Đ.

3- Công ty TNHH Đ và Công ty Cổ phần môi trường S không được tiếp tục thực hiện hợp đồng số 08/HĐNT-ĐL2015 ngày 02/05/2015 và hợp đồng số: 08/HĐKT-ST2015 ngày 21/07/2015.

4- Công ty TNHH Đ phải thanh toán cho Công ty Cổ phần môi trường S số tiền là 4.371.050.646 đồng (bốn tỷ ba trăm bảy một triệu không trăm năm mươi nghìn sáu trăm bốn sáu đồng).

5- Công ty Cổ phần môi trường S buộc phải di dời: 01 nhà tạm vách và mái lợp tôn; 01 cây bơm dầu; 01 téc dầu và 01 máy súc hiện đang có tại Mỏ đá C tại xã Y, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

6- Công ty TNHH Đ buộc phải đưa 01 máy ủi ra khỏi mỏ đá C tại xã Y, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

7- Về án phí: Công ty TNHH Đ phải nộp 115.710.506 đồng tiền án phí KDTM sơ thẩm. Hiện Công ty Đ đã nộp 43.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 05343 ngày 25/5/2017 tại Chi cục THADS huyện K. Nay Công ty Đ còn phải tiếp tục nộp số tiền là 72.710.506 đồng. Công ty Cổ phần Y được hoàn trả số tiền 33.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002991 ngày 29/12/2016 tại Chi cục THADS thành phố Hòa Bình. Công ty Cổ phần môi trường S được hoàn trả số tiền 3.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05377 ngày 11/7/2017 tại Chi cục THADS huyện K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2017, bị đơn – Công ty TNHH Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: trong thời gian Tòa án K xét xử sơ thẩm vụ án, ông

Nguyễn Văn T– Giám đốc công ty Đ đang phải điều trị bệnh tại bệnh viện Ung bướu; Tòa án xét xử khi không có người đại diện, người bảo vệ quyền lợi của công ty Đ; không xét hồ sơ vụ án theo quy trình khách quan đúng với sự thật đang diễn ra; đánh giá, nhận định vai trò của công ty Đ trong khi ký kết hợp đồng 026/2013 và 026/2015 phiến diện, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của công ty Đ. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Ngày 21/11/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần môi trường S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thắmvới lý do: Hội đồng xét xử đã không xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của các bên trong mối quan hệ tổng thể mà xem xét riêng sẽ để đưa ra phán quyết là không toàn diện, không khách quan . Ngày 08/01/2018, công ty S có đơn kháng cáo bổ sung – yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì các lí do: hội đồng xét xử sơ thẩm đã có sai sót nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng 026 năm 2013 nhưng cấp sơ thẩm đã giải quyết luôn cả hợp đồng 026 năm 2915 là không đúng yêu cầu khởi kiện của đương sự, không xem xét hiệu lực của hợp đồng 0262015 và mối quan hệ giữa hợp đồng 026/2013 với hợp đồng 026/2015; bỏ sót yêu cầu phản tố của bị đơn, chưa xem xét đến công sức đầu tư chi phí của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng công ty S yêu cầu buộc công ty Y hoặc đơn vị nhận lại dự án phải thanh toán cho công ty S toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án khai thác mỏ C, tuy nhiên Hội đồng xét xử lại chỉ tuyên Công ty Đ phải thanh toán số tiền trên là không đúng với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan; định giá bổ sung không đúng với quy định tại điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự (định giá khi đã có QĐ ĐVARXXX, không thông báo về việc định giá và kết quả định giá cho các đương sự là chưa đảm bảo quyền lợi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn - công ty TNHH thương mại Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - công ty cổ phần môi trường S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn – công ty cổ phần Y đề nghị Tòa án buộc công ty Đ trả công ty Y số tiền nợ 76.429.762 đồng mà cấp sơ thẩm đã bỏ sót, không giải quyết.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là công ty Y: công ty Y khởi kiện yêu cầu chấm dứt hợp đồng với công ty Đ là phù hợp, có căn cứ. Công ty Đ đã thể hiện sự vô trách nhiệm trong thực hiện hợp đồng với công ty Y, khiến công ty Y thiệt hại nghiêm trọng. Công ty Y không có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm với thiệt hại của công ty S. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời buộc công ty Đ trả công ty Y số tiền nợ 76.429.762 đồng

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là công ty S: Cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn vì cho rằng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng kinh tế số 026/2013, tuy nhiên quá trình xét xử vụ án lại xuất hiện hợp đồng số 026/2015 cũng với nội dung – điều khoản tương tự nhưng hội đồng xét xử không xem xét đến hiệu lực của hợp đồng này, không xác định rõ yêu cầu của nguyên đơn là chấm dứt hợp đồng nào. Bị đơn đề nghị xem xét công sức đầu tư và chi phí của bị đơn trong quá trình thực hiện hợp đồng 026/2013 nhưng cấp sơ thẩm cũng không đánh giá, nhận định và đưa ra phán quyết mà bỏ qua yêu cầu của bị đơn. Công ty S yêu cầu buộc công ty Y hoặc đơn vị nhận lại dự án phải thanh toán cho công ty S toàn bộ chi phí đầu tư vào dự án khai thác mỏ C, nhưng Hội đồng xét xử lại tuyên chỉ buộc Công ty Đ phải thanh toán số tiền trên mà không buộc công ty Y phải cùng có trách nhiệm thanh toán cho công ty S là không đúng, chưa xem xét toàn diện khách quan của vụ án, chưa xem xét đến quyền lợi của công ty S chưa đảm bảo quyền lợi của công ty S.

Đồng thời, sau khi vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 07/11/2017, cấp sơ

thẩm đã hoãn phiên tòa và tiến hành định giá tài sản phần đầu tư cơ bản trên mỏ C, nhưng việc định giá bổ sung không đúng với quy định tại điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự vì: định giá khi đã có QĐ ĐVARXX, thì quyết định định giá tài sản phải là quyết định của hội đồng xét xử, việc ký quyết định định giá tài sản ghi thẩm phán là không đúng thẩm quyền, khi định giá không thông báo cho các đương sự biết và tham gia, sau khi định giá không thông báo kết quả định giá cho các đương sự biết, và có quyền khiếu nại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn– công ty Y đề nghị Tòa án buộc công ty Đ trả công ty Y số tiền nợ 76.429.762 đồng mà cấp sơ thẩm đã bỏ sót, không giải quyết. Yêu cầu của công ty Y được đưa ra tại phiên tòa phúc thẩm đã quá thời hạn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết.

Về nội dung: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có nhiều sai sót về nội dung và tố tụng: không yêu cầu công ty Đ và Y liên đới bồi thường cho công ty S; xét xử vắng mặt đại diện hợp pháp của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi của bị đơn, tổng đạt Giấy triệu tập phiên tòa không hợp lệ; Thẩm phán ra quyết định Định giá tài sản sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử là không tuân thủ thủ tục tố tụng, sau khi định giá không thông báo về việc thu thập được tài liệu – chứng cứ cho đương sự được biếtvi phạm điều 104 BLTTDS. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng 026/2013/HĐ HTKD KTCBĐ nhưng cấp sơ thẩm lại đưa hợp đồng 026/2015/HĐHTKDKTCBĐ để giải quyết là vượt quá phạm vi khởi kiện. Cấp sơ thẩm không buộc công ty Y có

trách nhiệm xem xét các khoản mà công ty S đã chi phí đầu tư vào ty Y mặc dù việc công ty S đầu tư vào cy Y cũng có sự đồng ý của công ty Y – thể hiện ở Quyết định số 09 ngày 18/4/2016 của công ty Y. Đồng thời, trong suốt quá trình công ty S đầu tư vào công ty Y cũng mặc nhiên thừa nhận và không hề có bất kỳ một phản ứng nào. Như vậy, công ty Y phải có trách nhiệm liên đới với công ty Đ thanh toán những chi phí đầu tư thực tế mà công ty S đã thực hiện, việc cấp sơ thẩm không xem xét là thiếu sót.

Về xác định quan hệ tranh chấp: xét về bản chất, đây là quan hệ tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư. Cấp sơ thẩm xác định đây là tranh chấp hợp đồng kinh tế là chưa đúng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, phần nhận định của bản án số 01/2017/KDTM – ST đã phân tích các nội dung phản tố của bị đơn, cho thấy các yêu cầu bị đơn đưa ra đều không có căn cứ, nhưng trong phần quyết định của bản án lại không đề cập và tuyên bác đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn là thiếu sót.

Các sai sót về tố tụng và nội dung của cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được ở cấp phúc thẩm. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K. Chuyển hồ sơ vụ án tới Tòa án nhân dân huyện K để xét xử lại.

Sau khi nghe các đương sự trình bày, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, tranh luận của các đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xét đơn kháng cáo của Công ty TNHH thương mại Đ và Công ty cổ phần môi trường S, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

XÉT THẤY:

Ngày 10/10/2013 Công ty CP Y (Bên A) đã ký Hợp đồng số 026/2013/HĐHTKDKTCBĐ với Công ty TNHH TM Đ (Bên B) với nội dung: các bên cùng hợp tác, xây dựng, quản lý, vận hành khai thác đá Bazan và các nguồn thu khác từ dự án khai thác đá Bazan tại diện tích đất 206.196,9m² tại xóm C, xã Y, huyện K, Hòa Bình .

Ngày 16/7/2015, UBND tỉnh Hòa Bình ra Quyết định 884/UBND-NN-TN về việc cho Công ty Cổ phần Y tiếp tục thực hiện hoạt động khai thác khoáng sản. Kể từ thời điểm này Công ty Đ được biết từ ngày 22/7/2011 đến trước ngày 16/7/2015, Công ty Y bị cấm khai thác khoáng sản theo giấy phép số 94/QĐ-BND ngày 01/12/2009 của UBND tỉnh Hòa Bình. Sau khi biết sự việc trên, hai công ty đã bàn bạc và thống nhất ký lại hợp đồng hợp tác kinh tế số 026/2015/HĐHTKHKTCBĐ ngày 15/12/2015.

Ngày 02/5/2015, Công ty Đ và Công ty S đã ký hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-ĐL 2015. Đến ngày 21/7/2015 hai bên đã tiếp tục ký với nhau hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT-ST, theo đó công ty S có trách nhiệm phát triển thị trường và bán lớp đất bóc phủ mỏ đá Bazan.

Ngày 25/12/2016, Công ty Cổ phần Y khởi kiện Công ty TNHH thương mại Đ, yêu cầu đơn phương chấm dứt hợp đồng số 026/2013/ HĐHTKH KTCBĐ ngày 10/10/2013, yêu cầu Công ty Đ phải bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm hợp đồng.

***Về tố tụng:**

Đơn kháng cáo của bị đơn – Công ty TNHH thương mại Đ và đơn kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – Công ty cổ phần môi trường S trong thời hạn luật định, hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn– công ty Y đề nghị Tòa án buộc công ty Đ trả công ty Y số tiền nợ 76.429.762 đồng mà cấp sơ thẩm đã bỏ sót, không giải quyết. Xét thấy yêu cầu của công ty Y đã hết thời hạn kháng cáo, Tòa không giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng sau :

- Cấp sơ thẩm đã không thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các văn bản, giấy triệu tập cho đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Giám đốc công ty Đ, đồng thời cũng không thông báo hợp lệ cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn biết về việc mở phiên tòa nhưng vẫn tiến hành mở phiên tòa sơ thẩm mà không có mặt người đại diện của công ty Đ, là chưa

đúng vi phạm khoản 1 điều 227 Bộ luật TTDS.

- Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa, nhưng lại hoãn phiên tòa ngày 25/10/2017 do đương sự vắng mặt, ngày 27/10/2017, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa đã ra Quyết định định giá tài sản và thành lập hội đồng định giá số 02/2017/QĐ – ĐG ngày 27/10/2017 mà không có biên bản thảo luận thông qua của Hội đồng xét xử là vi phạm khoản 3 điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Ra quyết định để định giá tài sản lại quyết định thẩm phán là không đúng phải là quyết định của hội đồng xét xử. Khi định giá tài sản không thông báo cho các đương sự biết vi phạm điều 104 BLTTDS, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự.

Sau khi định giá tài sản, Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo về tài liệu, chứng cứ đó cho đương sự để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, vi phạm khoản 5 điều 97 Bộ luật tố tụng Dân sự.

***Về nội dung:**

*Xét kháng cáo của bị đơn – công ty Đ và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – công ty S, yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do xét xử không khách quan, vi phạm tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy:

-Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2016, công ty Y yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng số 026/2013/HĐHTKHKTCBĐ ngày 10/10/2013, không không nêu yêu cầu hủy hợp đồng kinh tế số 026/2015/HĐHTKHKTCBĐ ngày 15/12/2015 hay không. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã xem xét giải quyết đối với cả hợp đồng 026/2015/HĐHTKHKTCBĐ là không đúng, vượt quá phạm vi khởi kiện. Vi phạm khoản 1 điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Công ty Đ đã chi phí thực tế để thực hiện dự án thác đá Bazan và các nguồn thu khác từ dự án khai thác đá Bazan tại xóm C theo đúng hợp đồng với công ty Y. Nhưng cấp sơ thẩm đã không cho đối chất làm rõ giữa hai bên công ty Y và công ty Đ là chưa đầy đủ. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án công ty Đ đã ủy quyền cho ông Nguyễn Trọng Đ tham gia tố tụng đồng thời đã yêu cầu Luật sư bảo vệ quyền lợi cho công ty, nhưng cấp sơ thẩm vẫn tiến hành

xét xử vắng mặt khi chưa tập hợp lệ luật sư và đại diện của bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự,

Đối với công ty S: Cuối tháng 4/2015, Công ty S làm việc trực tiếp về việc thực hiện dự án khai thác đá Bazan tại diện tích đất tại xóm C với Công ty Y và được Giám đốc Công ty Y - ông Đặng Văn H giới thiệu với ông Nguyễn Văn T- Giám đốc Công ty TNHH Đ.Bằng hợp đồng và giấy ủy quyền. Sau khi Công ty Đ và Công ty S ký kết hợp đồng nguyên tắc số 08/HĐNT-ĐL 2015 ngày 02/5/2015 và hợp đồng kinh tế số 08/HĐKT-ST ngày 21/7/2015, và quyết định số 09/18/4/2016 công ty Y đã chấp thuận cho công ty S làm đại diện thương mại, Công ty S đã chuyển tiền cho công ty Đ để xin cấp giấy phép khai thác tận thu đất bóc tầng phủ và tiền để nộp cấp quyền khai thác, đồng thời chi kinh phí để sản xuất, lắp dựng biển hiệu tại cửa ra vào mỏ, sửa chữa lán trại, đường xá trong nội bộ, thuê và mở văn phòng đại diện Mỏ C... Báo cáo về hoạt động sản xuất kinh doanh, hợp tác đầu tư và toàn bộ hóa đơn chứng từ, từ năm 2015 đến nay do công ty S cung cấp thể hiện:

Công ty S đã đầu tư thực hiện dự án hết 4.371.050.646 đồng. Đây là các chi phí thực tế, công ty Y cũng đã biết và mặc nhiên nhất trí, không có sự phản ứng nào.

Như vậy việc công ty S yêu cầu thanh toán các khoản chi phí đầu tư, thì công ty Đ và công ty Y đều phải liên đới chịu trách nhiệm. Việc cấp sơ thẩm không buộc công ty Y phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho công ty S các khoản công ty S đã đầu tư là không đúng, chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự.

- Ngoài ra, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “ đơn phương chấm dứt hợp đồng hợp tác đầu tư” , không phải vụ án “tranh chấp hợp đồng kinh tế ” như cấp sơ thẩm đã xác định là chưa đúng.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, phần nhận định của bản án số 01/2017/KDTM – ST đã phân tích các nội dung phản tố của bị đơn, cho thấy các yêu cầu bị đơn đưa ra đều không có căn cứ, nhưng trong phần quyết định

của bản án lại không đề cập và không tuyên bác đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn là thiếu sót.

Việc giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, sai sót về nội dung. Những thiếu sót của cấp sơ thẩm không thể khắc phục được tại cấp phúc thẩm. Do đó Kháng cáo của của bị đơn – công ty Đ và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – công ty S là có căn cứ chấp nhận, nên nần hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện K để giải quyết lại.

- Những yêu cầu của các đương sự sẽ được xem xét khi Tòa án giải quyết lại vụ án.

- Công ty Đ, công ty S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 3 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của của bị đơn – công ty Đ và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – công ty S. Hủy toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2017/KDTM –ST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện K. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân huyện K xét xử lại.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà Công ty Cổ phần Y đã nộp theo biên lai số 0002991 ngày 29/12/2016, Công ty Cổ phần môi trường S đã nộp theo biên lai số 05377 ngày 11/7/2017, Công ty Đ đã nộp theo biên lai số 05343 ngày 25/5/2017 tại Chi cục THADS huyện K sẽ được xử lý khi Tòa tiếp tục giải quyết vụ án.

Công ty TNHH Đ và Công ty Cổ phần môi trường S không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty TNHH Đ được hoàn lại

2.000.000 tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0003966 ngày 27/11/2017 ở Chi cục thi hành án dân sự huyện K. Công ty Cổ phần môi trường S được hoàn lại 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0003968 ngày 28/11/2017 ở Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án: 05/02/2018.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình
- TAND Huyện.K
- Chi cục THADS huyện. K,
- Các đương sự;
- Lưu HSVA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Lý Thị Đoàn